

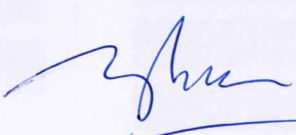
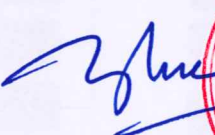


BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ NGHỆ II

Địa chỉ: Số 502, Đường Đỗ Xuân Hợp, Phường Phước Bình,
Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028 6280 4839 Website: hvct.edu.vn

SỔ TAY
BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

Ban hành lần : 1 Hiệu lực từ ngày : 01/08/2022

Chữ ký	Người soạn thảo	Người kiểm tra	Người phê duyệt
			
Họ và tên	Phạm Ngọc Hoa	Phạm Ngọc Hoa	PGS.TS. Bùi Văn Hưng
Chức danh	PT Phòng ĐBCL	PT Phòng ĐBCL	HIỆU TRƯỞNG

I. GIỚI THIỆU CHUNG

Sổ tay chất lượng là tập hợp tài liệu, xác định phạm vi áp dụng; chính sách chất lượng và mục tiêu chất lượng; hoạt động và cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ; các yêu cầu, các quy trình/công cụ của hệ thống bảo đảm chất lượng...

Sổ tay chất lượng là cẩm nang, định hướng mọi hoạt động của Trường trong công tác quản lý, giảng dạy nhằm thực hiện và duy trì hệ thống bảo đảm chất lượng của Trường.

Sổ tay chất lượng thể hiện ý thức, trách nhiệm và sự cam kết lâu dài của Ban Giám hiệu nhà trường, với phương pháp quản lý khoa học, chặt chẽ, thực tiễn nhằm đảm bảo chất lượng và hiệu quả trong công tác quản lý và giảng dạy.

1. Lịch sử phát triển

Trường Cao đẳng Kỹ Nghệ II tiền thân là Trường Dạy Nghề Thương Binh Thủ Đức được thành lập ngày 17- 7 - 1978 theo Quyết định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Ngày 10 - 3 - 1993, Trường được đổi tên thành Trường Dạy Nghề Cho Thương Binh Và Người Tàn Tật Trung Ương II;

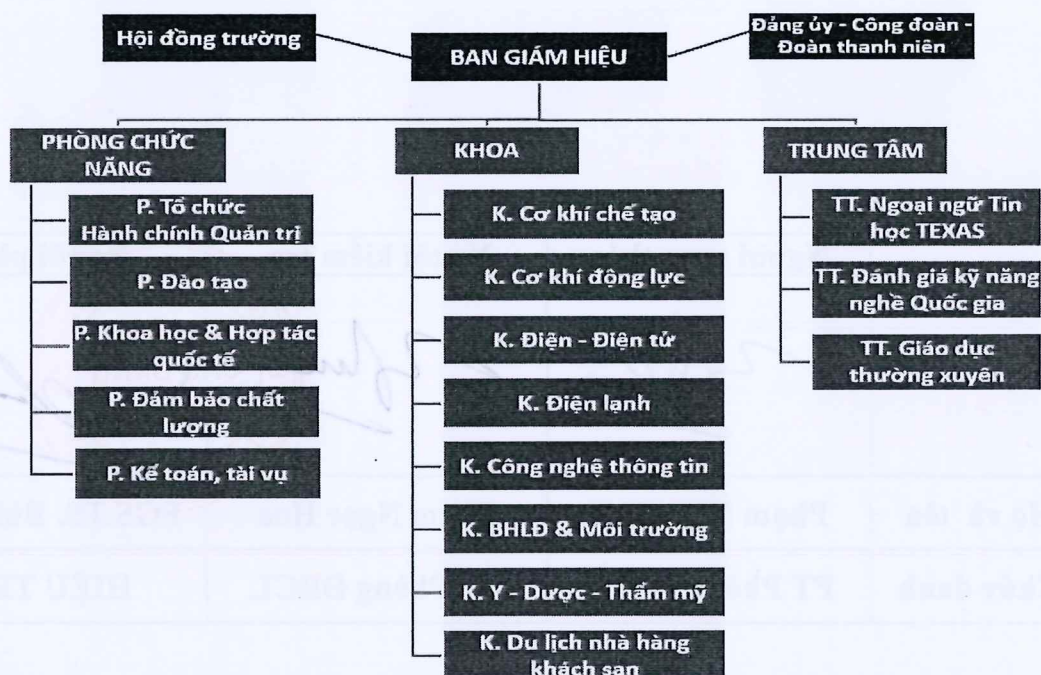
Ngày 14- 8 - 2001, Trường được đổi tên thành Trường Kỹ Nghệ II;

Ngày 31 - 01 - 2007, Trường được đổi tên thành Trường Cao Đẳng Nghề Kỹ Thuật Công Nghệ Tp. Hồ Chí Minh;

Ngày 11 - 11 - 2016, Trường được nâng cấp và đổi tên thành Trường Cao đẳng Kỹ Nghệ II.

2. Cơ cấu tổ chức và nhân sự

2.1 Cơ cấu tổ chức



2.2 Nhân sự

Cán bộ, nhân viên trong trường: 52 người

Đội ngũ giáo viên

Số lượng:

Tổng số (T12/2022):	94 người.
Biên chế:	37 người.
HĐLĐ:	57 người (trong đó HĐ68: 04 người).
Nam:	49 người.
Nữ:	45 người.

Chất lượng:

- Tiến sĩ:	03 (đạt tỷ lệ 3,19%).
- Thạc sĩ:	48 (đạt tỷ lệ 51,06%).
- Đại học:	33 (đạt tỷ lệ 35,11%).
- Cao đẳng:	05 (đạt tỷ lệ 5,32%).
- Trình độ khác:	05 (đạt tỷ lệ 5,32%).

3. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Nhà trường

3.1. **Nhiệm vụ**

- 1) Tổ chức đào tạo nhân lực trực tiếp cho sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp, trình độ sơ cấp và đào tạo thường xuyên theo quy định;
- 2) Tổ chức biên soạn hoặc lựa chọn, phê duyệt và thực hiện các chương trình, giáo trình đào tạo đối với từng ngành, nghề được phép đào tạo theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- 3) Xây dựng kế hoạch tuyển sinh, tổ chức tuyển sinh đào tạo theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- 4) Tổ chức các hoạt động đào tạo; kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; đặt in,
- 5) mua phôi văn bằng, chứng chỉ; quản lý, cấp phát, thu hồi, hủy bỏ bằng tốt nghiệp cao đẳng, bằng tốt nghiệp trung cấp, chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- 6) Tuyển dụng, quản lý giảng viên, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động của trường bảo đảm đủ về số lượng, phù hợp với ngành, nghề, quy mô và trình độ đào tạo theo quy định của pháp luật;
- 7) Tổ chức cho nhà giáo thực tập sản xuất lại doanh nghiệp để cập nhật, nâng cao kỹ năng nghề; tổ chức cho nhà giáo, viên chức, người lao động và người học tham gia các hoạt động xã hội;

8) Phối hợp với doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, gia đình người học trong hoạt động giáo dục nghề nghiệp;

9) Thực hiện dân chủ, công khai trong việc thực hiện các nhiệm vụ đào tạo, nghiên cứu; ứng dụng các kết quả nghiên cứu, chuyển giao công nghệ vào thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và hoạt động tài chính; có cơ chế để người học tham gia đánh giá hoạt động đào tạo, giảng viên tham gia đánh giá cán bộ quản lý, viên chức và người lao động của nhà trường;

10) Quản lý, sử dụng đất đai, cơ sở vật chất, thiết bị và tài chính của trường Cao đẳng Kỹ Nghệ II theo quy định của pháp luật;

11) Phối hợp với doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong hoạt động đào tạo về lập kế hoạch đào tạo, xây dựng chương trình, giáo trình đào tạo; tổ chức giảng dạy, hướng dẫn thực hành, thực tập, đánh giá kết quả học tập của người học;

12) Phối hợp với các Doanh nghiệp giải quyết việc làm cho HSSV sau tốt nghiệp; tư vấn học nghề, tư vấn việc làm cho người học;

13) Thực hiện kiểm định và bảo đảm chất lượng đào tạo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

14) Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

15) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

3.2. Quyền hạn

1) Quyết định thành lập các tổ chức trực thuộc trường theo cơ cấu tổ chức được phê duyệt trong quy chế tổ chức, hoạt động của trường; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức vụ từ cấp trưởng phòng, khoa và tương đương trở xuống theo quy định và phân cấp quản lý viên chức;

2) Liên doanh, liên kết với các tổ chức kinh tế, giáo dục, nghiên cứu khoa học trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, gắn đào tạo với việc làm và thị trường lao động;

3) Sử dụng nguồn thu từ hoạt động đào tạo, khoa học, công nghệ, sản xuất, kinh doanh và dịch vụ để đầu tư xây dựng cơ sở vật chất của trường, chi cho các hoạt động đào tạo và bổ sung nguồn tài chính của trường theo quy định của pháp luật;

4) Được thành lập doanh nghiệp, được tổ chức hoạt động khoa học và công nghệ, sản xuất, kinh doanh, dịch vụ theo quy định của pháp luật;

5) Thực hiện các quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

4. Danh mục các ngành/ngành đào tạo

4.1 Trình độ cao đẳng

Gồm có 30 ngành/ngành:

<i>TT</i>	<i>Ngành đào tạo</i>	<i>Mã nghề</i>	<i>Chỉ tiêu</i>
1	Quản trị mạng Máy tính	6480209	30
2	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	6480102	20
3	Kế toán doanh nghiệp	6340302	30
4	Điện Công nghiệp	6520227	30
5	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí (Điện lạnh)	6520205	30
6	Điện tử công nghiệp	6520225	20
7	May thời trang	6540205	20
8	Công nghệ ô tô	6510216	70
9	Cắt gọt kim loại	6520121	30
10	Hàn (công nghệ hàn)	6520123	20
11	Kỹ thuật xây dựng	6580201	20
12	Cơ điện tử	6520263	20
13	Xử lý nước thải công nghiệp (Công nghệ nước)	6520309	20
14	Dược	6720401	40
15	Kỹ thuật dược	6720202	30
16	Thiết kế đồ họa	6210402	20
17	Quản trị nhà hàng	6810206	30
18	Quản trị DN vừa và nhỏ	6340417	30
19	Điện dân dụng	6520226	30
20	Tài chính tín dụng	6340203	30
21	Công nghệ thông tin (ứng dụng phần mềm)	6480202	20

<i>TT</i>	<i>Ngành đào tạo</i>	<i>Mã nghề</i>	<i>Chỉ tiêu</i>
22	Bảo hộ lao động	6850203	30
23	Logistics	6340113	20
24	Hướng dẫn du lịch	6810103	35
25	Bán hàng trong siêu thị	6340120	25
26	Kỹ thuật thoát nước và xử lý nước thải	6520311	25
27	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	6510201	70
28	Chăm sóc sắc đẹp	6810404	40
29	Kỹ thuật chế biến món ăn	6810207	30
30	Thiết kế thời trang	6540206	20
	Tổng chỉ tiêu:		885

4.2 Trình độ trung cấp

Gồm có 24 ngành/ngề:

<i>TT</i>	<i>Ngành đào tạo</i>	<i>Mã nghề</i>	<i>Chỉ tiêu</i>
1	Quản trị mạng Máy tính	5480209	20
2	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	5480102	20
3	Kế toán doanh nghiệp	5340302	20
4	Điện Công nghiệp	5520227	30
5	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí (Điện lạnh)	5520205	30
6	Điện tử công nghiệp	5520225	20
7	May thời trang	5540205	20
8	Công nghệ ô tô	5510216	35
9	Cắt gọt kim loại	5520121	30
10	Hàn (công nghệ hàn)	5520123	20
11	Kỹ thuật xây dựng	5580201	20
12	Cơ điện tử	5520263	20

13	Xử lý nước thải công nghiệp (Công nghệ nước)	5520309	20
14	Kỹ thuật dược	5720202	30
15	Thiết kế đồ họa	5210402	20
16	Nghiep vụ nhà hàng	5810206	30
17	Bảo hộ lao động	5850203	30
18	Bảo vệ	5869002	120
19	Logistics	5340113	20
20	Hướng dẫn du lịch	5810103	25
21	Kỹ thuật thoát nước và xử lý nước thải	5520311	25
22	Chăm sóc sắc đẹp	5810404	60
23	Kỹ thuật chế biến món ăn	5810207	25
24	Thiết kế thời trang	5540206	25
	Tổng chỉ tiêu:		715

4.3 Trình độ đào tạo Sơ cấp

TT	Ngành đào tạo	Mã nghề	Chỉ tiêu
1	Kỹ thuật chế biến món ăn		25
2	Nghiep vụ bếp Á		25
3	Nghiep vụ bếp Âu		25
4	Nghiep vụ nhà hàng		25
5	Kỹ thuật trang điểm		25
6	Kỹ thuật làm móng		25
7	Kỹ thuật cắt - uốn tóc		25
8	Kỹ thuật cắt tóc nam		25
9	Kỹ thuật làm bánh		50
10	Kỹ thuật chăm sóc da		25
11	Nấu ăn cho trẻ		30
12	Bảo mẫu		50
13	Dịch vụ chăm sóc gia đình		50
14	Pha chế thức uống		50
15	Nghiep vụ bảo hộ lao động		50
16	Gia công kim loại trên máy tiện vạn năng		50

<i>TT</i>	<i>Ngành đào tạo</i>	<i>Mã nghề</i>	<i>Chỉ tiêu</i>
17	Phay CNC		50
18	Solid Works		50
19	Tiện CNC		50
20	Kỹ thuật sửa chữa máy lạnh và điều hòa không khí		75
21	Thi công xây lắp đường dây trung hạ thế		75
22	Điện công nghiệp		75
23	Điện tử công nghiệp		50
24	Cơ điện tử		50
25	Hàn căn bản		50
26	Hàn MaG		50
27	Hàn 3G		50
28	Hàn 6G		50
29	Hàn FCAW		50
30	Kỹ thuật xây dựng		70
31	Công nghệ ô tô		70
32	Đồng sơn ô tô		50
33	May thời trang		25
34	May công nghiệp		25
35	Kế toán doanh nghiệp		50
36	Kế toán trưởng		50
37	Kế toán tổng hợp		50
38	Quản trị doanh nghiệp		50
39	Tài chính - Ngân hàng		50
40	Nghiệp vụ bán hàng		50
41	Kỹ thuật kết cườm		50
42	Kỹ thuật cắm hoa		50
43	Vận hành và bảo trì hệ thống xử lý nước thải		50
44	Quản lý, vận hành, duy tu, bảo trì, bảo dưỡng, hệ thống thoát nước.		50
	Tổng cộng		2020

5. Các thành tích đạt được

- Huân chương lao động hạng nhất (năm 2003) - Huân chương độc lập hạng ba (năm 2009)

- Huân chương độc lập hạng nhì của chủ tịch nước năm 2016

Nhiều đơn vị và cá nhân của trường được Chính phủ và Bộ Lao động Thương binh và Xã hội tặng bằng khen; có 1 cán bộ được tặng huân chương lao động hạng ba, 36 cán bộ viên chức được tặng kỷ niệm chương vì sự nghiệp Giáo dục.

Năm 2009 trường kiểm định đạt cấp độ 3 (cấp độ cao nhất) và kiểm định lại năm 2014 trường cũng đạt cấp độ 3. Trường đã kiểm định 02 chương trình đào tạo nghề đạt cấp độ 3 là Điện công nghiệp năm 2012 và và nghề Hàn năm 2014.

Năm 2020, trường đã đánh giá ngoài cơ sở GDNN và chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô và đều đạt yêu cầu.

II. PHẠM VI ÁP DỤNG

Nhà trường xây dựng và áp dụng Hệ thống bảo đảm chất lượng cho tất cả các phòng, khoa, tổ, trung tâm trong trường, cụ thể:

Các phòng chức năng:

1. Phòng Tổ chức - Hành chính - Quản trị
2. Phòng Tài Chính - Kế toán
3. Phòng Đào tạo
4. Phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế
5. Phòng Bảo đảm chất lượng

Các Khoa:

1. Khoa Cơ khí Động lực
2. Khoa Cơ khí Chế tạo
3. Khoa Điện - Điện Tử
4. Khoa Điện lạnh
5. Khoa Công nghệ thông tin
6. Khoa Bảo hộ lao động và Môi trường
7. Khoa Dược - Thẩm mỹ
8. Khoa Du lịch - Nhà hàng - Khách sạn

Các trung tâm:

1. Trung tâm đánh giá kỹ năng nghề
2. Trung tâm Giáo dục thường xuyên - HVCT.



BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ NGHỆ II

Địa chỉ: Số 502, Đường Đỗ Xuân Hợp, Phường Phước
Bình, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028 6280 4839

Website: hvct.edu.vn

DANH MỤC QUY TRÌNH GIAI ĐOẠN 2023 - 2025

STT	LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG (TÊN QUY TRÌNH)	Mã ký hiệu
1.	Lập kế hoạch đào tạo	ĐT/QT01/KHĐT
2.	Lập tiến độ đào tạo	ĐT/QT02/TĐ
3.	Lập thời khóa biểu	ĐT/QT03/TKB
4.	Xây dựng, rà soát, điều chỉnh chương trình - giáo trình	ĐT/QT04/CT-GT
5.	Học lại	ĐT/QT07/HL
6.	Nhập học (Tuyển sinh)	ĐT/QT08/NH
7.	Tổ chức biên soạn, lựa chọn và thẩm định Giáo trình Đào tạo	ĐT/QT09/GTĐT
8.	Dự giờ Giảng viên	ĐT/QT10/DGG
9.	Quản lý bằng tốt nghiệp, chứng chỉ, chứng nhận	ĐT/QT11/QL-BTN
10.	Thi, kiểm tra mô đun/môn học	ĐT/QT12/THI KT
11.	Kết thúc khóa học	ĐT/QT13/KTKH
12.	Bảo lưu kết quả học tập	ĐT/QT14/BL
13.	Giảng dạy môn học, modul	ĐT/QT15/GD
14.	Xin Cấp bằng điểm	ĐT/QT16/BĐ
15.	Đào tạo	ĐT/QT17/ĐT
16.	Miễn môn và công nhận điểm	ĐT/QT18/MM-CNĐ
17.	Giảng dạy trực tuyến	ĐT/QT19/GDTT
18.	Ra đề thi hết môn	ĐT/QT20/RĐT
19.	Thi kết thúc môn lần 2	ĐT/QT21/TL
20.	Ra đề thi tốt nghiệp	ĐT/QT22/ĐTN
21.	Cấp lại bằng tên, thẻ HSSV	ĐT/QT23/CTSV
22.	Quản lý hệ không thường xuyên	ĐT/QT24/QL-HKTX
23.	Khảo sát HSSV về tình hình việc làm sau tốt nghiệp	ĐT/QT25/KSVL

STT	LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG (TÊN QUY TRÌNH)	Mã ký hiệu
24.	Xét kỷ luật HSSV	ĐT/QT26/KL
25.	Xóa tên HSSV	ĐT/QT27/XT
26.	Hướng dẫn xét học bổng khuyến khích học tập học kỳ	ĐT/QT28/HB
27.	Xét khen thưởng HSSV	ĐT/QT29/KT
28.	Xét rèn luyện HSSV	ĐT/QT30/RL
29.	Xét miễn, giảm học phí	ĐT/QT31/HP
30.	Xét trợ cấp xã hội	ĐT/QT32/TC
31.	Làm giấy xác nhận HSSV	ĐT/QT33/XN
32.	Hướng dẫn GV cố vấn học tập	ĐT/QT34/CVHT
33.	Mua sắm vật tư	QT/KTTV/01
34.	Thanh toán giờ giảng	QT/KTTV/03
35.	Tuyển dụng	QT/TCHCQT/01
36.	Quy hoạch	QT/TCHCQT/02
37.	Đào tạo, bồi dưỡng	QT/TCHCQT/03
38.	Đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý	QT/TCHCQT/04
39.	Quản lý, sử dụng thiết bị	QT/TCHCQT/05
40.	Bảo trì, bảo dưỡng thiết bị	QT/TCHCQT/06
41.	Quản lý xưởng	QT/TCHCQT/07
42.	Quy trình tự đánh giá chất lượng	QT/ĐBCL/01

Tổng cộng có 42 quy trình./.



BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ NGHỆ II

Địa chỉ: Số 502, Đường Đỗ Xuân Hợp, Phường Phước
Bình, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028 6280 4839 Website: hvct.edu.vn

MỤC TIÊU – TẦM NHÌN – SỨ MỆNH – SLOGAN
GIẢI ĐOẠN 2023 - 2025

1. Mục tiêu

Phát triển quy mô đi đôi với nâng cao chất lượng đào tạo nguồn lao động trình độ cao, góp phần tích cực cho công tác nghiên cứu khoa học về đào tạo nghề và đào tạo nguồn lao động đáp ứng yêu cầu lao động kỹ thuật cao cho phát triển công nghiệp vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Xây dựng trường Cao đẳng Kỹ nghệ II trở thành địa chỉ nghiên cứu khoa học và đào tạo nghề chất lượng cao, đạt chuẩn khu vực và quốc tế, đáp ứng nhu cầu thị trường lao động.

2. Tầm nhìn

Đến năm 2025, Trường Cao đẳng Kỹ Nghệ II trở thành một cơ sở giáo dục trọng điểm quốc gia uy tín hàng đầu, có vai trò tiên phong trong hệ thống giáo dục nghề nghiệp, từng bước tiếp cận trình độ đào tạo các nước trong khu vực và quốc tế.

3. Sứ mệnh

Trường Cao đẳng Kỹ nghệ II cung cấp dịch chất lượng cao về giáo dục nghề nghiệp; nghiên cứu và ứng dụng khoa học, chuyển giao công nghệ đáp ứng nhu cầu xã hội để phục vụ cho sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

4. Slogan

“Học Nghề - Việc Làm – Cuộc Sống – Tương Lai”



BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ NGHỆ II

Địa chỉ: Số 502, Đường Đỗ Xuân Hợp, Phường Phước Bình,
Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028 6280 4839

Website: hvct.edu.vn

CHÍNH SÁCH CHẤT LƯỢNG GIAI ĐOẠN 2023 - 2025

“ĐỔI MỚI TƯ DUY, TỰ CHỦ ĐỂ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG”

Để thực hiện được chính sách chất lượng trên, Nhà trường cam kết:

1. Xây dựng môi trường dạy - học - làm việc chuyên nghiệp, năng động, sáng tạo;
2. Nâng cao trình độ quản lý đáp ứng tốt nhất yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập trên tinh thần: tự chủ - tự chịu trách nhiệm - tự chuẩn hóa;
3. Thường xuyên cập nhật, đổi mới về chương trình, giáo trình, thiết bị và phương tiện dạy học nhằm nâng cao chất lượng đào tạo theo hướng cuộc cách mạng công nghiệp 4.0;
4. Đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, hợp tác, liên doanh, liên kết với các tổ chức, cá nhân để thực hiện sản xuất, kinh doanh và dịch vụ;
5. Xây dựng hệ thống tổ chức bộ máy và nhân sự, mô hình quản trị nhà trường theo hướng hiện đại;
6. Cung cấp các dịch vụ đào tạo tốt nhất cho học sinh sinh viên trước, trong và sau quá trình đào tạo;
7. Tăng cường các hoạt động dịch vụ, xã hội hóa công tác đào tạo;
8. Đảm bảo môi trường làm việc thân thiện, minh bạch, đoàn kết; khai thác các nguồn lực một cách có hiệu quả và nâng cao đời sống cán bộ viên chức;
9. Phổ biến nội dung chính sách chất lượng đến toàn thể viên chức, người lao động và học sinh sinh viên trong nhà trường, đồng thời thiết lập các mục tiêu kế hoạch cụ thể hàng năm để đáp ứng chính sách này.

